

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 3 LẦN 1 - NĂM 2025

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
1	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2004999	Phan Ngọc Bảo Hân	25/06/2002	N	Công nghệ sau thu hoạch	
2	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105000	Nguyễn Khánh Duyên	23/07/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
3	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105002	Phạm Thị Hồng Đào	04/02/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
4	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105005	Nguyễn Thị Hồng Điều	18/03/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
5	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105006	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	20/08/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
6	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105007	Nguyễn Thị Ngọc Hà	20/12/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
7	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105017	Huỳnh Thị Lam Linh	11/03/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
8	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105021	Trần Nguyễn Kim Ngân	04/02/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
9	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105025	Đặng Kim Ngọc	10/03/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
10	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105037	Nguyễn Thị Huỳnh Như	13/11/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
11	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105044	Nguyễn Hoàng Quý	16/10/2003		Công nghệ sau thu hoạch	
12	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105045	Nhan Ngọc Phương Quyên	10/10/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
13	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105046	Hồ Đức Quý	24/10/2003		Công nghệ sau thu hoạch	
14	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105056	Nguyễn Anh Thư	19/05/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
15	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105057	Lê Ngọc Cẩm Tiên	31/01/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
16	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105059	Phạm Hoàng Bảo Trâm	28/12/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
17	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105064	Bùi Nguyễn Khánh Vy	13/07/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
18	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105065	Phùng Lê Mỹ Vy	12/01/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
19	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105066	Võ Ngọc Yến Vy	02/11/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
20	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105067	Võ Thị Kim Xuân	20/10/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
21	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2105068	Mai Thị Mỹ Xuyên	13/10/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
22	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107159	Nguyễn Thị Thúy Nga	31/07/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
23	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111143	Nguyễn Thụy Quỳnh An	15/11/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
24	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111145	Lê Nguyệt Anh	06/08/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
25	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111147	Lê Ngọc Hạnh	23/05/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
26	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111148	Trần Ngọc Hân	10/07/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
27	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111154	Đặng Thị Cẩm Linh	09/04/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
28	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111155	Lê Thị Ngọc Linh	02/04/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
29	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111156	Nguyễn Thị Kiều Loan	16/02/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
30	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111157	Nguyễn Thị Ngọc Lợi	27/05/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
31	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111158	Nguyễn Thị Hồng Minh	27/07/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
32	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111159	Nguyễn Thị Như Mơ	19/10/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
33	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111160	Nguyễn Cẩm My	15/11/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
34	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111161	Tăng Thị Ngọc Mỹ	08/08/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
35	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111162	Trần Thị Kim Ngân	30/07/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
36	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111163	Lê Bảo Ngọc	31/12/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
37	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111164	Nguyễn Kim Ngọc	25/06/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
38	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111165	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	21/07/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
39	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111167	Nguyễn Lâm Như	16/07/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
40	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111169	Nguyễn Lê Ngọc Quý	06/06/2003		Công nghệ sau thu hoạch	
41	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111171	Trần Thanh Thuý	01/07/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
42	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111172	Trần Thị Diễm Thúy	22/02/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
43	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111173	Huỳnh Ngọc Thủy	14/08/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
44	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111176	Nguyễn Thị Huyền Trân	09/05/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
45	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111179	Nguyễn Lê Nguyên Vũ	26/06/2003		Công nghệ sau thu hoạch	
46	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111180	Dương Phương Vy	03/12/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
47	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111181	Mai Tường Vy	26/08/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
48	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1803905	Võ Thành Duy	16/02/2000		Công nghệ sinh học	
49	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1904582	Võ Minh Quốc	01/07/2001		Công nghệ sinh học	
50	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1904600	Nguyễn Thuận Thành	25/08/2001		Công nghệ sinh học	
51	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2010529	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	07/11/2002	N	Công nghệ sinh học	
52	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2010618	Cao Diễm Thúy	28/03/2002	N	Công nghệ sinh học	
53	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2010622	Huỳnh Anh Thư	02/12/2002	N	Công nghệ sinh học	
54	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2010630	Lê Thị Đài Trang	24/08/1997	N	Công nghệ sinh học	
55	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2010655	Trần Thị Ngọc Ý	07/04/2002	N	Công nghệ sinh học	
56	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2010720	Phạm Thanh Long	17/06/2002		Công nghệ sinh học	
57	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2010727	Võ Trần Tiểu My	23/08/2002	N	Công nghệ sinh học	
58	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2010731	Huỳnh Ngọc Ngân	10/11/2002	N	Công nghệ sinh học	
59	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2010805	Nguyễn Thị Hoàng Trân	15/09/2002	N	Công nghệ sinh học	
60	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102174	Trần Minh Đạt	25/09/2002		Công nghệ sinh học	
61	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102219	Lâm Kim Ngân	12/11/2002	N	Công nghệ sinh học	
62	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102255	Neáng Mã Ka Ra	20/01/2003	N	Công nghệ sinh học	
63	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109153	Nguyễn Xuân Phúc	20/08/2003		Công nghệ sinh học	
64	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109181	Trần Thanh Hải	24/10/2003		Công nghệ sinh học	
65	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109185	Nguyễn Trung Khang	20/02/2003		Công nghệ sinh học	
66	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109205	Vũ Thị Phụng	24/12/2003	N	Công nghệ sinh học	
67	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109206	Lê Thành Quí	15/11/2003		Công nghệ sinh học	
68	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109219	Nguyễn Ngọc Khánh Trâm	26/09/2003	N	Công nghệ sinh học	
69	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2202234	Âu Huỳnh Tuấn Kiệt	23/06/2004		Công nghệ sinh học	
70	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2202262	Nguyễn Minh Trọng	18/03/2004		Công nghệ sinh học	
71	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102257	Nguyễn Trí Tài	24/06/2003		Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
72	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102317	Trần Khánh Hà	30/11/2003	N	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
73	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102353	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	21/01/2003	N	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
74	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102364	Trần Nguyễn Nhật Phương	31/03/2003		Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
75	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102393	Nguyễn Lưu Bảo Trân	05/11/2003	N	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
76	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102394	Tô Thị Huyền Trân	16/03/2003	N	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
77	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2103387	Huỳnh Kim Ngọc	25/11/2003	N	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
78	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109276	Nguyễn Anh Thư	28/04/2003	N	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
79	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109279	Nguyễn Thái Bảo Trân	01/07/2003	N	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
80	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1900543	Tạ Văn Nhu	08/04/2000		Công nghệ thực phẩm	
81	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1900709	Lâm Phước Đức	30/01/2001		Công nghệ thực phẩm	
82	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2007674	Kiến Phương Danh	27/07/2002	N	Công nghệ thực phẩm	
83	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2007679	Phan Mộng Thùy Duyên	05/11/2002	N	Công nghệ thực phẩm	
84	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2007904	Trần Thị Như Huỳnh	18/08/2002	N	Công nghệ thực phẩm	
85	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2007932	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	31/01/2002	N	Công nghệ thực phẩm	
86	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100694	Thạch Thị Ngọc Ánh	13/09/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
87	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100698	Trần Huy Hưng	08/04/2003		Công nghệ thực phẩm	
88	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100705	La Ngọc Nhạn	03/09/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
89	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100707	Nguyễn Thị Huỳnh Như	05/02/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
90	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100711	Huỳnh An Thuận	15/09/2003		Công nghệ thực phẩm	
91	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100714	Son Thị Ngọc Tuyên	03/02/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
92	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100715	Phan Trần Ngọc Vy	03/10/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
93	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100717	Phạm Kim Anh	19/02/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
94	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100726	Huỳnh Tú Mỹ	23/10/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
95	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100728	Đặng Thị Thanh Ngọc	08/01/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
96	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100731	Lý Thị Hàn Ni	21/09/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
97	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100733	Lê Thị Thu Thảo	16/09/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
98	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100734	Trần Thị Thanh Thảo	25/01/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
99	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100735	Trần Phạm Anh Thư	07/07/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
100	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100738	Thái Minh Tùng	28/01/2003		Công nghệ thực phẩm	
101	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100739	Huỳnh Thị Mỹ Yến	01/12/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
102	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100741	Lâm Ngọc Giàu	15/11/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
103	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100746	Tạ Nhã Linh	11/03/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
104	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100747	Lương Thị Ngọc Lý	11/02/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
105	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100748	Lại Diễm My	02/07/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
106	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100754	Kim Sô Sa Pho	30/08/2003		Công nghệ thực phẩm	
107	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100756	Mã Thị Thanh Thảo	24/12/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
108	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2100761	Hồng Quốc Vinh	26/09/2003		Công nghệ thực phẩm	
109	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107034	Trần Bảo Trân	29/11/2003	N	Công nghệ thực phẩm	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
110	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107035	Phan Hà Bảo Ngọc	05/08/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
111	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107036	Lữ Thị Mỹ Tiên	28/02/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
112	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107368	Lê Trọng Anh	31/08/2003		Công nghệ thực phẩm	
113	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107369	Huỳnh Hoàng Bảo	07/05/2003		Công nghệ thực phẩm	
114	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107371	Trương Nguyễn Danh	15/04/2003		Công nghệ thực phẩm	
115	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107372	Lâm Thị Cẩm Duyên	04/07/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
116	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107377	Đặng Thị Mỹ Huyền	22/09/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
117	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107379	Thái Mỹ Lan	17/12/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
118	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107382	Ngô Lê Kim Ngân	27/06/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
119	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107384	Phan Thị Thảo Nguyên	04/07/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
120	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107387	Nguyễn Thị Quyển Nhi	24/09/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
121	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107388	Trần Lâm Huỳnh Như	11/06/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
122	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107389	Nguyễn Trí Phúc	18/09/2003		Công nghệ thực phẩm	
123	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107392	Trần Thị Ngọc Thanh	26/11/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
124	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107395	Trần Thị Hoài Thương	10/11/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
125	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107396	Diệp Ngọc Trâm	01/08/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
126	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107398	Nhan Nam Tấn Triệu	21/01/2003		Công nghệ thực phẩm	
127	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107399	Nguyễn Đoàn Minh Tuyết	16/09/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
128	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107400	Nguyễn Thái Vũ	27/12/2003		Công nghệ thực phẩm	
129	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107403	Lâm Cao Cường	28/11/2002		Công nghệ thực phẩm	
130	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107404	Lê Phúc Duy	07/08/2003		Công nghệ thực phẩm	
131	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107406	Nguyễn Bình Đăng	07/01/2003		Công nghệ thực phẩm	
132	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107407	Huỳnh Thị Gấm	24/04/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
133	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107410	Nguyễn Hồ Thanh Huyền	26/08/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
134	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107411	Diệp Hoàng Khải	13/06/2003		Công nghệ thực phẩm	
135	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107416	Nghiêm Trần Mỹ Ngọc	15/08/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
136	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107418	Hồng Diệp Vân Nhi	16/03/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
137	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107422	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	26/06/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
138	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107425	Nguyễn Thị Phương Thảo	04/10/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
139	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107426	Lê Tấn Thiện	26/06/2003		Công nghệ thực phẩm	
140	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107428	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	19/01/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
141	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107429	Lâm Thị Huyền Trân	13/01/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
142	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107431	Lê Thị Uyển Trinh	10/09/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
143	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107432	Trương Thị Cẩm Tú	30/05/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
144	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107434	Thạch Phương Anh	21/12/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
145	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107435	Mai Thị Kim Chi	09/04/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
146	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107438	Phan Thành Đạt	19/11/2003		Công nghệ thực phẩm	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
147	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107440	Huỳnh Nguyễn Sơn Hà	05/09/2003		Công nghệ thực phẩm	
148	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107441	Trần Thị Diễm Hân	07/06/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
149	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107442	Quách Hoàng Huy	05/10/2003		Công nghệ thực phẩm	
150	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107443	Võ Văn Huỳnh	22/02/2003		Công nghệ thực phẩm	
151	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107444	Nguyễn Trần Minh Khoa	03/03/2003		Công nghệ thực phẩm	
152	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107445	Nguyễn Ngọc Liễu	24/03/2002	N	Công nghệ thực phẩm	
153	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107446	Nguyễn Thị Như Muội	25/03/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
154	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107448	Đoàn Thị Hoài Ngọc	08/10/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
155	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107449	Võ Thị Như Ngọc	05/06/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
156	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107450	Nguyễn Ngọc Nhân	24/01/2003		Công nghệ thực phẩm	
157	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107451	Hứa Tuyết Nhi	11/03/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
158	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107453	Lê Thị Hồng Nhung	07/05/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
159	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107454	Đỗ Hoàn Mỹ Phúc	03/10/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
160	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107455	Võ Lê An Phụng	18/10/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
161	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107459	Nguyễn Hoàng Thông	06/11/2003		Công nghệ thực phẩm	
162	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107460	Trương Anh Thư	15/02/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
163	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107461	Trương Thị Thanh Trang	15/11/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
164	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107462	Lê Thị Bảo Trân	28/07/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
165	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107463	Trần Thị Quế Trân	09/05/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
166	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107464	Nguyễn Thanh Tuấn	09/12/2003		Công nghệ thực phẩm	
167	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107465	Phạm Hoàng Phương Uyên	18/02/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
168	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1812537	Trần Thị Kim Vân	06/02/2000	N	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
169	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1900948	Mai Trần Xuân Nguyên	12/01/2001	N	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
170	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2000935	Đặng Tú Nguyên	15/05/2002	N	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
171	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2000950	Huỳnh Thị Ngọc Trân	11/08/2002	N	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
172	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2000951	Võ Nguyễn Huyền Trân	14/10/2002	N	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
173	DA	4553/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2007983	Trương Ái Linh	12/08/2002	N	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	